TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Ngọc Bích**
2. Bà **Lê Thị Bích Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh L**, sinh năm: 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp BC, xã H, tỉnh AG.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp BC, xã H, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 29/5/2023 Ông Trần Văn T có vay tiền và thế chấp ngôi nhà của ông đang ở cho bà với số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng) và hứa trong vòng 8 tháng sẽ trả lại tiền đã vay. Nếu qua thời gian 8 tháng ông T không trả số tiền đã vay của bà thì ủy quyền cho bà làm chủ và sở hữu căn nhà ông T đang ở. Hai bên đã thống nhất và ông T đã nhận đủ số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng), ký tên

vào giấy thế chấp.

Nhưng cho đến nay ông T không thực hiện theo thỏa thuận giữa 2 bên, trả tiền lại cho bà và chỉ đóng lời được 3 tháng (6,7,8 năm 2023) mỗi tháng 3.500.000 ngàn đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) và không tiếp tục trả tiền cho bà đến nay.

Tính đến thời điểm này, ông T đã thiếu bà 22 tháng tiền lãi (từ tháng 9-2023 đến nay), với số tiền mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng), như vậy tính tổng cộng là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu đồng) và số tiền vay 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng). Tính tổng cộng số nợ là 92.000.000 (Chín mươi hai triệu đồng).

Mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà ông T để đòi lại số tiền nhưng ông T cứ hứa hẹn và không trả cho đến nay.

Vì vậy bà yêu cầu Tòa án buộc ông T trả đủ số tiền cho tôi gồm 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 22.000.00 triệu đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền cần phải trả cho bà là 92.000.000 triệu đồng. Yêu cầu ông T phải trả thêm tiền lãi trên nợ gốc theo quy định của pháp luật từ ngày 22/5/2025 đến khi trả hết số nợ.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thanh L số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 29/5/2023 mục đích vay để lo công việc gia đình, thỏa thuận lãi 3.000.000 đồng/tháng, ông đã đóng lãi được khoảng 18.000.000 đồng việc đóng lãi ông chuyển khoản hoặc đưa tay cho bà L mà không có ghi giấy tờ gì hết, nay bà L yêu cầu trả một lần hết số nợ 70.000.000 đồng và tính lãi suất 22.000.000 đồng từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2025 và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 5/2025 đến khi trả hết nợ, bản thân ông không có khả năng trả theo yêu cầu của bà L mà xin cho ông hẹn đến tháng 3/2026 sẽ bắt đầu trả nợ mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng và xin không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp BC, xã H, tỉnh AG nên khi có phát sinh tranh chấp vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - An Giang theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay nên quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét thấy bà L khởi kiện ông Tùng về số nợ 70.000.000 đồng có cung cấp được chứng cứ là giấy thế chấp nhà ngày 29/5/2023 có chữ ký xác nhận của hai bên, việc này ông T cũng thừa nhận, xét thấy việc hai bên ký giấy thế chấp nhà nhưng thực chất cả hai đều xác nhận là vay tiền chứ không có giao nhận các giấy tờ về tài sản cũng không giao tài sản cho bên chị L quản lý nên việc chị L chỉ yêu cầu giải quyết về số tiền vay là phù hợp. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ số tiền 70.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi: Bà L yêu cầu tính lãi 1.000.000 đồng/tháng/70.000.000 đồng xét thấy phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ tháng 9/2023 đến ngày xét xử 04/8/2025 là 23 tháng = 23.000.000 đồng.

Như vậy ông T phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 93.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, lãi 23.000.000 đồng).

Đối với việc ông T xin hẹn đến tháng 4/2026 sẽ bắt đầu trả dần cho bà L mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính lãi suất. Việc này phía nguyên đơn không đồng ý và thuộc thẩm quyền cơ quan thi hành án sau khi án có hiệu lực pháp luật, nên HĐXX không xem xét về phương thức trả nợ của ông T.

Về án phí: bà L được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí. Ông T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh L. Buộc ông Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thanh L số tiền 93.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 23.000.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chiu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T phải chịu án phi dân sự sơ thẩm là 4.650.000 đồng.

Bà Nguyễn Thanh L được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.300.000 đồng theo lai thu số 0015750 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 8 – AG).

3. Về quyền kháng cáo: báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 74, 76 và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG:
- VKSND tỉnh AG,
- VKSND Khu vực 8 – An Giang:
- Phòng THA DS Khu vực 8 – AG:
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy